

Bản án số: 15 /2025/HNGĐ – ST- BX

Ngày 04 tháng 9 năm 2025.

“ V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Minh Huân;

2. Ông Sùng A Cở;

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Lý - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 -Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Gia Long - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2025/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025; Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vàng Thị Y, sinh ngày 28/9/1989;

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là Thôn C, xã B, tỉnh Lào Cai).

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Vàng Văn S, sinh ngày 27/3/1986.

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là Th, xã B, tỉnh Lào Cai).

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 09/6/2025 và trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn chị Vàng Thị Y trình bày:

Chị và anh Vàng Văn S kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là xã B, tỉnh Lào Cai) theo giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 31/10/2007.

Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì anh S nghiện chất ma túy, không chịu tu chí làm ăn, bản thân anh S đã bị đi cai nghiện hai lần, lần thứ nhất vào năm 2017, lần thứ hai vào năm 2023 và mới thực hiện xong việc cai nghiện bắt buộc vào ngày 11/10/2024. Sau khi anh S về nhà tình cảm vợ chồng không khắc phục được mà lại trầm trọng hơn, chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh không khắc phục được. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Văn S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Sơn sinh được 02 con, cháu thứ nhất Vàng Hoài A, sinh ngày 13/4/2008 và cháu Vàng Đức B, sinh ngày 01/11/2016. Khi ly hôn chị có nguyện vọng để cho anh Vàng Văn S sẽ trực tiếp, trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con Vàng Hoài A, sinh ngày 13/4/2008 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị sẽ trực tiếp, trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con Vàng Đức B, sinh ngày 01/11/2016 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án do anh Sơn không đồng ý ly hôn nên anh không đưa ra quan điểm về việc nuôi con, mặt khác hiện tại anh S đã đi làm ăn ở đâu chị cũng không biết, hiện tại không có mặt tại nơi cư trú nên chị có nguyện vọng nuôi cả hai cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Vàng Văn S không nợ ai và không cho ai vay, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/6/2025 anh Vàng Văn S trình bày:

Anh xác nhận anh và chị Vàng Thị Y kết hôn với nhau có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là xã B, tỉnh Lào Cai) vào ngày 31/10/2007. Anh xác nhận trong cuộc sống hai vợ chồng thỉnh thoảng có cãi nhau nhưng anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng sinh được 02 con, cháu thứ nhất là cháu Vàng Hoài A, sinh ngày 13/4/2008 và cháu Vàng Đức B, sinh ngày 01/11/2016. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với vụ án này chị Vàng Thị Y có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, vì vậy vụ án này không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà:

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Lào Cai có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo quy định pháp luật. Thư ký phiên toà và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Vàng Thị Y được ly hôn anh Vàng Văn S.

Về con chung: Giao 2 cháu Vàng Hoài A, sinh ngày 13/4/2008 và cháu Vàng Đức B, sinh ngày 01/11/2016 cho chị Vàng Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Vàng Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vàng Thị Y không yêu cầu anh Vàng Văn S cấp dưỡng tiền nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Chị Vàng Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Vàng Văn S có địa chỉ tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là thôn C, xã B, tỉnh Lào Cai). Như vậy Tòa án nhân

dân Khu vực 7- Lào Cai thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Chị Vàng Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Vàng Văn S vắng mặt lần hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Vàng Thị Y và anh Vàng Văn S.

[2] Chị Vàng Thị Y và anh Vàng Văn S kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là xã B, tỉnh Lào Cai) theo giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 31/10/2007 trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Xét đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì anh Sơn nghiện chất ma túy, không chịu tu chí làm ăn, bản thân anh S đã bị đi cai nghiện hai lần, lần thứ nhất vào năm 2017, lần thứ hai vào năm 2023 và mới thực hiện xong việc cai nghiện bắt buộc vào ngày 11/10/2024. Sau khi anh Sơn về nhà tình cảm vợ chồng không khắc phục được mà lại trầm trọng hơn, chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh không khắc phục được. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn của anh, chị là có thật, mâu thuẫn của vợ chồng, do chị Yến cung cấp phù hợp với nội dung xác nhận của địa phương. Nay chị Y xin ly hôn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của chị Y, áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Vàng Thị Y được ly hôn anh Vàng Văn S.

[4] Về con: Trong quá trình chung sống anh, chị sinh được 02 người con chung, cháu thứ nhất cháu Vàng Hoài A, sinh ngày 13/4/2008 và cháu Vàng Đức B, sinh ngày 01/11/2016. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cả hai cháu đến tuổi trưởng thành.

Xét thấy chị Vàng Thị Y hiện đang làm cho hộ kinh doanh Nguyễn Hữu Kh, theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký lần đầu ngày 14/01/2022, thu nhập hàng tháng là 6.000.000 đồng, bản thân anh Vàng Văn S đã từng đi cai nghiện chất ma túy, anh đã biết việc chị Yến cương quyết ly hôn nhưng không đưa ra quan điểm về việc nuôi con, mặt khác cả hai cháu Vàng Hoài A và cháu Vàng Đức B đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ, hiện tại anh S không có mặt tại nơi cư trú, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Vàng Thị Y, giao cả hai cháu cho chị Vàng

Thị Y nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tiền cấp dưỡng nuôi con:

Chị Vàng Thị Y không yêu cầu anh Vàng Văn S cấp dưỡng tiền nuôi con chung, xét thấy yêu cầu của chị Yến là tự nguyện, vì vậy tạm thời anh Vàng Văn S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nuôi.

[6] Về tài sản: Chị Vàng Thị Y không yêu cầu Toà án giải quyết, trong quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chị Vàng Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Vàng Thị Y được ly hôn anh Vàng Văn S. Quan hệ hôn nhân của chị Vàng Thị Y và anh Vàng Văn S chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con: Chị Vàng Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, cháu Vàng Hoài A, sinh ngày 13/4/2008 và cháu Vàng Đức B, sinh ngày 01/11/2016 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời anh Vàng Văn S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Vàng Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vàng Thị Y phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam

theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 16/6/2025 và Biên lai thu tiền tạm ứng án, phí lệ phí Tòa án số 0002956 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu vực 7-Lào Cai (2);
- Đương sự (2);
- UBND xã B;
- THA DS tỉnh Lào Cai;
- Lưu TA, VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Duy Chiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Duy Chiến

TP Hoàng Duy Chiến báo cáo vụ án HNGĐ

1.Nguyên đơn: Chị Vàng Văn S, sinh ngày 09/10/2000;

Địa chỉ: Thôn Tả Phìn, xã Dền Thàng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (nay là thôn Tả Phìn, xã Dền Sáng, tỉnh Lào Cai).

2.Bị đơn: Anh Vàng Văn S, sinh ngày 10/6/1996.

Địa chỉ: Thôn Tả Phìn, xã Dền Thàng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (nay là thôn Tả Phìn, xã Dền Sáng, tỉnh Lào Cai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị và anh Vàng Văn S về ở với nhau như vợ chồng từ năm 2017. Đến ngày 18/9/2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dền Thàng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (nay là xã Dền Sáng, tỉnh Lào Cai) theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, ngày 18/9/2020.

Sau khi đăng ký kết hôn, anh, chị sống với nhau đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lữ ham chơi không tu chí làm ăn, không tập chung xây dựng kinh tế gia đình, chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Lữ không thay đổi, mặt khác anh Lữ còn thường xuyên uống rượu, mỗi khi uống rượu về nhà là anh Lữ gây sự, chửi mắng chị, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và không tôn trọng nhau, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Sín Chải, xã Dền Thàng để ở từ tháng 6/2023. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vàng Văn S.

Về con: Trong thời gian chung sống, vợ chồng sinh được 02 con chung, cháu thứ nhất là Phàng Thị Cà, sinh ngày 28/10/2017 và cháu thứ hai Phàng A Đình, sinh ngày 04/01/2020, hiện cả hai cháu đang sống với anh Vàng Văn S từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con đến

tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tại bản khai ngày 16/5/2025 chị đã thay đổi và đồng ý để con cho anh Vàng Văn Trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, vì lý do chị thường xuyên đi làm xa nhà không có điều kiện chăm sóc con.

Về cấp dưỡng nuôi con chị đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu là 500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Vàng Văn S không nợ ai và không cho ai vay, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Vàng Văn S, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh Lữ, anh Lữ đã được nghe đọc nội dung các văn bản tố tụng nhưng từ chối ký nhận văn bản, mặt khác khi Tòa án đến tổng đạt các văn bản tố tụng thì anh Lữ có lần vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã phải lập biên bản về việc từ chối nhận văn bản tố tụng và niêm yết theo quy định của pháp luật, mặc dù anh Lữ đã biết được nội dung chị Vàng Văn S khởi kiện về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn nhưng không có văn bản trả lời và không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

QUAN ĐIỂM

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Vàng Văn S được ly hôn anh Vàng Văn S. Quan hệ hôn nhân của chị Vàng Văn S và anh Vàng Văn S chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con: Anh Vàng Văn Trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phàng Thị Cà, sinh ngày 28/10/2017 và cháu Phàng A Đình, sinh ngày 04/01/2020 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vàng Văn S phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho hai cháu Phàng Thị Cà, sinh ngày 28/10/2017 và cháu Phàng A Đình, sinh ngày 04/01/2020, mỗi cháu là 500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 1 Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị Vàng Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vàng Văn S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

